

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 234/2019/HS - ST
Ngày: 20- 8- 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
N- ỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Bà Mai Thị Tiếp

- Th□ ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Xuân - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Ninh Thị Tám - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 261/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2019/QĐXXST - HS ngày 06/8/2019 đối với bị cáo:

Lê Đức A - sinh năm 1996 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: đường D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đức T và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 26/9/2013 bị Tòa án thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” tạm giữ: ngày 05/5/2019; tạm giam: ngày 08/5/2019, “có mặt”.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T2 - SN 1993 “vắng mặt”.

Trú tại: Xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Thiện K - SN 1997 “vắng mặt”

Trú tại: L, phường Q, thành phố T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Vân A2 - SN 1991 “vắng mặt”

Địa chỉ: Q, phường Đ, thành phố T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15h ngày 13/3/2019 Lê Đức A đi bộ ra khu mới đường T, phường Q, thành phố T gặp bạn là anh Nguyễn Văn T2 đang đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu xanh trắng BKS 36B2- 377.67, Đức A nói với anh T2 “cho mượn xe máy đi mua thuốc lá 5 phút sau quay lại trả”. Anh T2 tưởng thật nên giao xe cho Đức A. Sau khi lấy được xe Đức A không đi mua thuốc lá mà gọi điện cho Lê Thị Vân A2 nói “em cần tiền, có chiếc xe gửi chị cho vay tạm 7.000.000đ”. Vân A2 không có tiền nhưng vì nể là chỗ quan biết nên đồng ý, sau đó Vân A2 đem chiếc xe đến phòng trọ tại phường Q2, thành phố T gặp Nguyễn Ngọc Tuấn A3 (là em rể) và nói với Tuấn A3 là xe của bạn quên không mang giấy tờ vay tạm 7.000.000đ. Tuấn A3 tin tưởng nên đưa tiền cho Vân A2, Vân A2 cầm số tiền trên đưa cho Đức A. Sau khi lấy được tiền thì Đức A dùng chơi game và ăn tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Cũng bằng thủ đoạn như trên, khoảng 14h ngày 16/3/2019 Đức A đang đi trên đường Đại lộ N thì gặp bạn là anh Nguyễn Thiện K đang đi chiếc xe mô tô hiệu HONDA Wave Alpha màu xanh đen BKS 36B4-208.24, Đức A nhờ K chở đến chợ đầu mối thuộc phường Đ, thành phố T sau đó nói với K “cho mượn xe đi có việc tý quay lại trả ngay”, anh K tưởng thật giao xe cho Đức A. Có xe, Đức A mang đến gặp Lê Thị Vân A2 nói “xe của nhà, có việc gấp nhờ gửi vay tạm 4.000.000đ, xong việc quay lại trả tiền chuộc cả hai xe”. Vân A2 tưởng thật lại mang xe gửi cho Nguyễn Ngọc Tuấn A3 vay số tiền 4.000.000đ về đưa cho Đức A. Số tiền này Đức A dùng chơi game và ăn tiêu cá nhân hết.

Sau khi phạm tội Đức A bỏ trốn đến ngày 05/5/2019 thì đến Cơ quan Công an đầu thú.

Theo báo cáo của anh T2 chiếc xe của anh trị giá khoảng 33.000.000đ; chiếc xe của anh K trị giá 12.000.000đ. Ngày 10/4/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đã xác định chiếc xe máy của anh T2 trị giá 22.500.000đ và chiếc xe của anh K trị giá 12.240.000đ. Anh T2 và anh K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Đối với Lê Thị Vân A2 và Nguyễn Ngọc Tuấn A3 là người cho Đức A gửi xe để vay tiền. Tuy nhiên cả Vân A2 và Tuấn A3 đều không biết tài sản là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Chị Vân A2 và anh Tuấn A3 yêu cầu Đức A phải hoàn trả lại số tiền đã vay là 11.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 245/CT-VKS-KT ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Lê Đức A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 174,

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS, đề nghị mức hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù. Về phần dân sự: buộc bị cáo phải trả cho chị Vân A2 số tiền vay 11.000.000đ đề chị Vân A2 trả lại cho anh Tuấn A3.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Vào các ngày 13 và 16/3/2018 Lê Đức A đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T2 là chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter BKS 36B2- 377.67 trị giá 22.500.000đ và của anh Nguyễn Thiện K chiếc xe máy hiệu Honda Wave Alpha BKS 36B4-208.24 trị giá 12.240.000đ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 34.740.000đ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Lê Đức A có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, bị cáo đã dùng lời nói gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản. Mặc dù, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an chung cần xử lý nghiêm minh.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhưng không chịu cải sửa mà còn phạm tội chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật. Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 HLHS.

Với nhân thân của bị cáo và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi áp dụng hành phạt cần căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T2 và anh Nguyễn Thiện K đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên công nhận phần dân sự giữa bị cáo và anh T2, anh K đã được giải quyết xong.

Chị Lê Thị Vân A2 và anh Nguyễn Ngọc Tuấn A3 đều yêu cầu bị cáo trả lại số tiền vay 11.000.000đ. Xét yêu cầu của chị Vân A2 là có căn cứ nên buộc bị cáo phải trả lại cho chị Vân A2 số tiền vay 11.000.000đ là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS là phù hợp.

Về yêu cầu của anh Tuấn A3 buộc bị cáo phải trả lại số tiền vay 11.000.000đ là không có căn cứ vì bị cáo chỉ gửi xe cho chị Vân A2 để vay tiền, việc chị Vân A2 mang xe đến gửi cho Tuấn A3 vay tiền bị cáo không biết. Do đó việc vay mượn giữa chị Vân A2 và anh Tuấn A3 là quan hệ dân sự khác không liên quan đến bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 48 BLHS. khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức A phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Lê Đức A 24 (hai tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 05/5/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

- Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Thiện K đã được giải quyết xong.

- Buộc bị cáo phải trả cho chị Lê Thị Vân A2 số tiền 11.000.000đ.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 550.000đ án phí DSST.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Vân A2 có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không

đầy đủ thì phải chịu thêm thì phải chịu thêm lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Ng-ời đ-ọc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ-ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhân:

- Người tham gia TT;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy